



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
THÔNG TIN CHUNG	1
BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	2
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	3 - 10
BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	11 - 12
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	13 - 14
BÁO CÁO THU NHẬP	15
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	16 - 17
BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	18
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ	19 - 20
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	21
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22 - 47

**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**THÔNG TIN CHUNG****QUỸ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital (“Quỹ”) được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 326.663.834.800 VND, tương đương với 32.666.383,48 chứng chỉ Quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ Quỹ).

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015.

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Công Vĩ, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital (Ban Đại diện Quỹ) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ đã điều hành Quỹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Ban Đại diện Quỹ**

Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch
Ông Lương Văn Trung	Thành viên
Ông Đoàn Phong Quang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 01 năm 2018)
Bà Lê Hoàng Yến	Thành viên

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

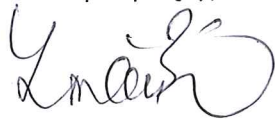
Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác và hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 kèm theo.

**CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ,



**Ông Lê Văn Bé**  
**Chủ tịch**

Ngày 18 tháng 02 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai

Phường Cống Vị, Quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ****1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ****1.1 Mục tiêu**

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN").

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ") của Quỹ là 1,44 % so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ***Chiến lược đầu tư*

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

*Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư*

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề sau (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này) với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- |                                 |                               |
|---------------------------------|-------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng              |
| - Thực phẩm - Nước giải khát    | - Bảo hiểm                    |
| - Vật liệu - Khai khoáng        | - Hàng hóa công nghiệp        |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản  | - Dược phẩm                   |
| - Tiện ích công cộng            | - Vận tải                     |
| - Năng lượng                    | - Dịch vụ                     |
| - Bán lẻ                        | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng |

## **QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### *Các loại tài sản được phép đầu tư*

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

### **1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ đầu tư giá trị MB Capital là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở.

### **1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

### **1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Giá trị tài sản ròng của Quỹ là 473.742.830.110 VND, tương đương với 32.666.383,48 chứng chỉ Quỹ.

### **1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

### **1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ:**

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG****2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 %
Danh mục chứng khoán	63,95%	52,54%	51,36%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	35,82%	39,26%	43,93%
Chứng chỉ tiền gửi	0,00%	7,90%	0,00%
Các tài sản khác	0,23%	0,30%	4,71%
	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	473.742.830.110	377.650.571.595	95.219.987.687
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	32.666.383,48	26.416.963,90	7.687.185,60
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ Quỹ (CCQ)	14.502	14.296	12.387
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	15.108	14.296	12.387
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	13.369	12.152	10.478
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	1,44%	15,41%	13,11%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-20,22%	-0,69%	65,74%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,95%	2,21%	3,07%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	90,89%	112,63%	141,26%



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</i>	<i>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</i>
1 năm đến thời điểm báo cáo	1,44%	1,44%
3 năm đến thời điểm báo cáo	32,43%	9,81%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	52,02%	8,26%

**2.4 Tăng trưởng hàng năm**

	<i>Năm 2018 VND</i>	<i>Năm 2017 VND</i>	<i>Năm 2016 VND</i>
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	1,44%	15,41%	13,11%

**3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM**

Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2018 tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, cao kỷ lục trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Phần lớn tăng trưởng đến từ 2 yếu tố (1) khu vực nông lâm thủy sản hồi phục sau vài năm khó khăn và (2) ngành khai khoáng suy giảm ít hơn năm ngoái. Những ngành chủ chốt khác vẫn tăng trưởng xấp xỉ những năm gần đây. Khu vực nông lâm thủy sản tăng trưởng 3,76%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực dịch vụ tăng trưởng 7,03% so với năm 2017.

CPI bình quân cả năm tăng 3,54% so với năm trước. Riêng CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017. Trong đó nhóm dịch vụ y tế có mức tăng cao nhất 13,86%, nhóm hàng dịch vụ giáo dục tăng 7,12%.

Trong năm 2018, tỉ giá trung tâm USD/VND từ đầu năm đến nay tăng khoảng 1,78%, hoàn thành mục tiêu kiểm soát tỷ giá tăng dưới 2% do chính phủ đề ra. Nhờ chính sách tiền tệ hợp lý, dự trữ ngoại hối cao, cung ngoại tệ dồi dào nên tỷ giá khá ổn định. Tuy nhiên, việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục nâng lãi suất, đồng Đô la lên giá trên thị trường thế giới đã làm tỷ giá cuối tháng 12 tăng mạnh. Hiện tại tỷ giá bán ra tại nhiều ngân hàng thương mại đã lên tới trên 23.000 VND/USD.

Tăng trưởng tín dụng chậm lại. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tín dụng tăng khoảng 14% so với đầu năm (cùng kỳ năm ngoái tăng 17,6%). Ngân hàng Nhà nước lo ngại lạm phát và tỷ giá tăng trước những diễn biến trên thế giới cho thấy quan điểm điều hành khá thận trọng của cơ quan điều hành. Điều này cũng đã ảnh hưởng đến việc cho vay các lĩnh vực rủi ro cao như cho vay tiêu dùng (cho vay mua nhà) và cho vay chủ đầu tư Bất động sản.

Lãi suất huy động khá ổn định trong các quý đầu năm và có xu hướng tăng vào quý cuối năm. Hiện mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng; mức 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
 Phường Cổng Vĩ, Quận Ba Đình  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Tình hình thị trường chứng khoán**

Trong năm 2018, VN-Index giảm 91,70 điểm (-9,32%) so với cuối tháng 12 năm 2017 và đứng ở mức 892,54 điểm. HNX-Index cũng giảm đến 12,63 điểm (-10,81%) ở mức 104,23 điểm. Thị trường trong năm 2018 tăng điểm mạnh mẽ trong quý I nhưng lại giảm điểm mạnh trong suốt các quý còn lại. Câu chuyện tăng điểm chỉ xoay quanh 2 nhóm cổ phiếu có khả năng được hưởng lợi từ chiến tranh thương mại và các hiệp định FTAs là thủy sản và dệt may. Trong khi đó, các nhóm cổ phiếu còn lại đều giảm điểm so với đầu năm, điển hình là nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn, nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng, thép...

Trong nửa đầu năm 2018, thanh khoản thị trường rất tích cực, tỷ lệ cho vay ký quỹ tại các công ty chứng khoán có thời điểm chạm trần, nhưng thanh khoản vẫn tăng mạnh, điều này chứng tỏ dòng tiền mới vẫn tiếp tục chảy rất mạnh vào thị trường. Tuy nhiên tới 2 quý cuối năm, thanh khoản thị trường giảm rõ rệt, đồng thời tỷ lệ cho vay ký quỹ cũng giảm theo. Dòng tiền có dấu hiệu đứng ngoài quan sát thị trường.

Nếu tính cả các giao dịch thỏa thuận, khối ngoại giao dịch tích cực, nhờ vào một số thương vụ lớn như VHM, VRE... Nhưng nếu loại trừ các giao dịch thỏa thuận, khối này bán ròng trong 3 quý cuối năm với tổng khối lượng bán ròng trên trong năm 2018 lên tới khoảng 16.000 tỷ VND. Hiện tại chưa thể khẳng định, khối ngoại rút ròng để cơ cấu danh mục thông thường hay là động thái rút tiền khỏi thị trường mới nổi tuy nhiên, thị trường chứng khoán cũng bị ảnh hưởng tiêu cực từ động thái bán ròng này.

**4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ****4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo(%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-20,22%	9,50%	11,96%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	25,94%	11,75%	10,29%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	1,44%	32,43%	52,02%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	-20,22%	9,50%	11,96%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Thay đổi giá trị tài sản ròng**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	473.742.830.110	377.650.571.595	25,44%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.502	14.296	1,44%

**4.2 Quy mô nắm giữ chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ Quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	214	327.730,92	1,00%
Từ 5.000 đến 10.000	88	632.595,56	1,94%
Từ 10.000 đến 50.000	205	4.920.542,07	15,06%
Từ 50.000 đến 500.000	132	18.666.517,43	57,14%
Trên 500.000	10	8.118.997,50	24,86%
	<b>649</b>	<b>32.666.383,48</b>	<b>100,00%</b>

**5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Trong năm 2019, kinh tế thế giới được dự báo sẽ giảm tốc, trong đó thương mại toàn cầu sẽ tiếp tục xu hướng giảm, giá hàng hóa biến động không nhiều và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ vẫn tiếp tục diễn ra ở các nước phát triển nhưng sẽ thận trọng hơn.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng một phần từ kinh tế thế giới, tuy nhiên, nhiều khả năng vẫn sẽ duy trì tăng trưởng ở mức tương đối cao do Việt Nam được hưởng lợi từ xu hướng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc cũng như triển vọng từ các hiệp định thương mại mới như CPTPP hay EVFTA.

Áp lực lạm phát năm 2019 là không cao do giá hàng hóa thế giới được dự chỉ tăng nhẹ, trong khi đó nhóm thực phẩm và giao thông vốn có ảnh hưởng lớn lên CPI đã tăng khá mạnh trong năm 2018 sẽ giúp hạn chế lạm phát nếu duy trì ổn định trong năm 2019.

Tỷ giá được kì vọng sẽ không tăng nhiều, ở mức dưới 2% do FED nhiều khả năng sẽ thận trọng hơn trong việc tăng lãi suất và đồng USD được dự báo sẽ suy yếu sau khi tăng mạnh trong năm 2018. Do áp lực từ tỷ giá và lạm phát không cao, lãi suất dự báo sẽ chỉ tăng nhẹ khoảng 0,5% trong năm 2019.

**Dự báo thị trường chứng khoán 2019**

Sau nhịp điều chỉnh cuối năm 2018, mặt bằng định giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam đã trở nên khá rẻ. Do đó, nhiều khả năng thị trường sẽ có sự phục hồi. Tuy nhiên, thị trường nhiều khả năng sẽ phân hóa hơn so với năm 2018 và 2017. Các cổ phiếu hiện đã bị bán về vùng giá rẻ trong khi vẫn duy trì được triển vọng kinh doanh 2019 tích cực sẽ tăng trưởng tốt hơn thị trường.

## QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### 6. THÔNG TIN KHÁC

#### *Ban Điều hành Quỹ*

##### **Ông Nguyễn Đức Hải**

*Phó Tổng Giám đốc Phụ  
trách Đầu tư*

Ông Hải có trên 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải làm việc tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11 năm 2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

##### **Ông Ngô Long Giang**

*Giám đốc Đầu tư*

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại Công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ).

#### *Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB*

##### **Ông Phan Phương Anh**

*Phó Chủ tịch Hội đồng Quản  
trị kiêm Tổng Giám đốc*

Ông Phan Phương Anh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Chứng khoán và Đầu tư tại Việt Nam, và là một trong những thành viên sáng lập Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB. Trước khi thành lập MB Capital, ông Phan Phương Anh từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng Quân đội như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO. Ông Phan Anh có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính của trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam).

##### **Ông Nguyễn Đức Hải**

*Phó Tổng Giám đốc Phụ  
trách Đầu tư*

Ông Nguyễn Đức Hải có hơn 13 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải là Chuyên viên phân tích tài chính tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11 năm 2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

##### **Bà Trương Thị Hương Trà**

*Phó Tổng Giám đốc*

Bà Trương Thị Hương Trà có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04 năm 2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.



## QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

*Ban Đại diện Quỹ*

### **Ông Lê Văn Bé**

*Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ*

Ông Lê Văn Bé là một trong những sáng lập viên của Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) và nguyên là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng. Ông cũng nguyên là Chủ tịch HĐQT của MB Capital từ năm 2006 đến năm 2012. Với hơn 30 năm kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam, ông Bé đã góp công lớn trong việc xây dựng MB trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

### **Ông Lương Văn Trung**

*Thành viên Ban Đại diện Quỹ*

Ông Lương Văn Trung có hơn 19 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý Công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ của công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ tháng 04 năm 2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.

### **Bà Lê Hoàng Yến**

*Thành viên Ban Đại diện Quỹ*

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 16 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP Bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán công chứng Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.



**Ông Phan Phương Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 18 tháng 02 năm 2019



## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

➢ Mục a, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều lệ Quỹ quy định: "Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan." Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 14 tháng 02 năm 2018, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào tiền gửi tại các tổ chức tín dụng được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ do Quỹ thực hiện tăng khoản đầu tư tiền gửi và thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư đáp ứng quy định pháp luật, chậm nhất ngày 01 tháng 03 năm 2018.

Tại kỳ định giá ngày 22 tháng 02 năm 2018, Công ty quản lý quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá tại ngày 22 tháng 02 năm 2018 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Mục a, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ.

➢ Theo Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Từ kỳ định giá ngày 31 tháng 05 năm 2018 đến kỳ định giá ngày 02 tháng 08 năm 2018, từ kỳ định giá ngày 16 tháng 08 năm 2018 đến kỳ định giá ngày 13 tháng 09 năm 2018, kỳ định giá ngày 08 tháng 11 năm 2018 và kỳ định giá ngày 20 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn

**Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited**

**Head Office**

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Phạm Hưng, Mễ Trì Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000  
Fax : (84 24) 3837 8356  
Swift: SCBLVNVX

**Here for good**



trong danh mục đầu tư trên tổng giá trị tài sản của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Công ty quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật.

Tại các kỳ định giá ngày 09 tháng 08 năm 2018, kỳ định giá ngày 20 tháng 09 năm 2018, kỳ định giá ngày 15 tháng 11 năm 2018 và kỳ định giá ngày 27 tháng 12 năm 2018; Công ty quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật.

Từ kỳ định giá ngày 27 tháng 12 năm 2018 đến kỳ định giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Mục f, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Lê Sỹ Hoàng**

**Trưởng phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Hương Giang**

**Phụ trách Bộ phận Giám sát**



**Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited**

**Head Office**

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,  
E6 Pham Hung, Me Tri Ward,  
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000  
Fax : (84 24) 3837 8356  
Swift: SCBLNVX

**Here for good**



Số: 481 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư**  
**Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital ("Quỹ"), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019 và được trình bày từ trang 15 đến trang 47, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Quý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 3 năm 2018.



**Trần Thị Thủy Ngọc**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0031-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 02 năm 2019  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Tuấn Linh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2019-001-1



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-QM**

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO THU NHẬP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>18.909.350.856</b>	<b>43.954.838.883</b>
1.1 Cổ tức được chia	02		17.500.473.400	3.145.078.800
1.2 Tiền lãi được nhận	03		15.264.649.376	7.020.788.453
1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	5	32.740.762.541	25.697.666.639
1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	6	(46.596.534.461)	8.091.304.991
<b>II CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>1.494.607.019</b>	<b>820.603.496</b>
2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	7	1.494.607.019	820.603.496
<b>III CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>10.556.080.977</b>	<b>4.856.746.298</b>
3.1 Phí quản lý Quỹ mở	20.1		9.188.309.166	3.859.969.408
3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	20.2		432.008.683	227.593.608
3.3 Phí dịch vụ giám sát	20.3		241.011.551	198.000.000
3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4		303.368.081	198.000.000
3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	20.5		112.200.000	105.600.000
3.6 Chi phí kiểm toán	20.8		88.000.000	55.000.000
3.7 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ		8	146.651.452	167.534.000
3.8 Chi phí hoạt động khác	20.10	9	44.532.044	45.049.282
<b>IV KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23= 01 - 10 - 20)</b>	<b>23</b>		<b>6.858.662.860</b>	<b>38.277.489.089</b>
<b>V KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>24</b>		-	-
<b>VI TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30=23 + 24)</b>	<b>30</b>		<b>6.858.662.860</b>	<b>38.277.489.089</b>
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	31	17	53.455.197.321	30.186.184.098
6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	32	17	(46.596.534.461)	8.091.304.991
<b>VII CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>40</b>		-	-
<b>VIII LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (41 = 30 - 40)</b>	<b>41</b>		<b>6.858.662.860</b>	<b>38.277.489.089</b>

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
 Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-QM**

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I TÀI SẢN</b>				
<b>1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>170.047.549.977</b>	<b>149.077.639.127</b>
1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	111		3.547.549.977	7.077.639.127
1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112		166.500.000.000	142.000.000.000
<b>2 Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>	<b>11</b>	<b>303.655.645.500</b>	<b>229.491.388.820</b>
2.1 Các khoản đầu tư	121		303.655.645.500	229.491.388.820
<b>3 Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>12</b>	<b>1.088.745.462</b>	<b>1.123.982.872</b>
3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	131		744.416.697	-
3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133		344.328.765	1.123.982.872
3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136		344.328.765	1.123.982.872
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>100</b>		<b>474.791.940.939</b>	<b>379.693.010.819</b>
<b>II NỢ PHẢI TRẢ</b>				
1 Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	13	294.441.000	1.495.840.400
2 Chi phí phải trả	316	14	44.000.000	55.000.000
3 Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	319	15	710.669.829	491.598.824
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.049.110.829</b>	<b>2.042.439.224</b>
<b>III GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>	<b>400</b>		<b>473.742.830.110</b>	<b>377.650.571.595</b>
<b>1 Vốn góp của nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>16</b>	<b>326.663.834.800</b>	<b>264.169.639.000</b>
1.1 Vốn góp phát hành	412		1.012.630.227.100	642.086.513.200
1.2 Vốn góp mua lại	413		(685.966.392.300)	(377.916.874.200)
<b>2 Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư</b>	<b>414</b>		<b>84.590.771.868</b>	<b>57.851.372.013</b>
<b>3 Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>17</b>	<b>62.488.223.442</b>	<b>55.629.560.582</b>
3.1 Lợi nhuận đã thực hiện			101.785.824.985	48.330.627.664
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện			(39.297.601.543)	7.298.932.918
<b>IV GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)</b>	<b>430</b>		<b>14.502</b>	<b>14.296</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>V LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>440</b>		<b>4.515.227.682</b>	<b>4.515.227.682</b>
1 Lợi nhuận/ Tài sản đã phân phối cho nhà đầu tư trong năm	441		-	-
2 Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế kể từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		4.515.227.682	4.515.227.682

**VI CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: chứng chỉ Quỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004		32.666.383,48	26.416.963,90

Người lập



**Bà Nguyễn Kim Khánh**  
Kế toán

Người phê duyệt



**Bà Đoàn Kim Dung**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



**Ông Phan Phương Anh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2019



**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,  
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
<b>I Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm</b>	<b>377.650.571.595</b>	<b>95.219.987.687</b>
<b>II Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm (= II.1 + II.2)</b>	<b>6.858.662.860</b>	<b>38.277.489.089</b>
Trong đó:		
II.1 Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	6.858.662.860	38.277.489.089
II.2 Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/ tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong năm	-	-
<b>III Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ Quỹ (= III.1 - III.2)</b>	<b>89.233.595.655</b>	<b>244.153.094.819</b>
III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ Quỹ	535.835.270.556	552.279.488.034
III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ Quỹ	446.601.674.901	308.126.393.215
<b>IV Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (= I + II + III)</b>	<b>473.742.830.110</b>	<b>377.650.571.595</b>

Người lập



**Bà Nguyễn Kim Khánh**  
Kế toán

Người phê duyệt



**Bà Đoàn Kim Dung**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



**Ông Phan Phương Anh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2019



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 04-QM**

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ (%) /Tổng giá trị tài sản của Quỹ
			ngày báo cáo VND	VND	
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết và Upcom</b>				
1	Tổng Công ty Viglacera - CTCP ("VGC")	2.902.800	18.200	52.830.960.000	11,13%
2	Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB")	1.754.650	29.600	51.937.640.000	10,94%
3	Công ty Cổ phần FPT ("FPT")	666.700	42.200	28.134.740.000	5,92%
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("CTG")	1.282.400	19.300	24.750.320.000	5,21%
5	CTCP Cơ điện lạnh ("REE")	724.340	30.800	22.309.672.000	4,70%
6	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ("KBC")	1.252.790	13.150	16.474.188.500	3,47%
7	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao ("LAS")	860.600	11.500	9.896.900.000	2,08%
8	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("HPG")	312.080	30.950	9.658.876.000	2,03%
9	CTCP Sông Đà 10 ("SDT")	1.513.600	5.200	7.870.720.000	1,66%
10	Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("PGC")	406.882	14.500	5.899.789.000	1,24%
11	Công ty Cổ phần PVI ("PVI")	151.700	32.400	4.915.080.000	1,04%
12	CTCP Phân bón Bình Điền ("BFC")	72.150	25.600	1.847.040.000	0,39%
13	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP ("POW")	1.675.000	16.000	26.800.000.000	5,64%
14	Tổng công ty IDICO - CTCP ("IDC")	602.800	23.000	13.864.400.000	2,92%
15	Tổng CTCP May Việt Tiến ("VGG")	264.200	50.600	13.368.520.000	2,82%
16	Tổng CTCP Đường Sông Miền Nam ("SWC")	800.000	16.000	12.800.000.000	2,70%
17	Tập đoàn Dệt may Việt Nam ("VGT")	28.000	10.600	296.800.000	0,06%
	<b>Tổng</b>			<b>303.655.645.500</b>	<b>63,95%</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	LOẠI TÀI SẢN	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại		Tỷ lệ (%) /Tổng giá trị tài sản của Quỹ
		Số lượng	ngày báo cáo	
		VND	VND	
II Các tài sản khác				
1	Phải thu bán cổ phiếu		744.416.697	0,16%
2	Lãi tiền gửi được nhận		344.328.765	0,07%
	Tổng		1.088.745.462	0,23%
III Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		3.547.549.977	0,75%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		166.500.000.000	35,07%
	Tổng		170.047.549.977	35,82%
IV Tổng giá trị danh mục			474.791.940.939	100,00%

Người lập



**Bà Nguyễn Kim Khánh**  
Kế toán

Người phê duyệt



**Bà Đoàn Kim Dung**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



**Ông Phan Phương Anh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2019

**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 05-QM**

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư	01	(621.953.126.500)	(381.589.570.540)
2. Tiền thu từ bán các khoản đầu tư	02	531.987.940.900	238.210.773.050
3. Cổ tức đã nhận	03	17.499.517.017	3.894.352.916
4. Tiền lãi đã thu	04	16.043.303.483	5.975.653.247
5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở	06	(10.345.481.589)	(4.563.729.196)
6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (Phí môi giới, phí chuyển tiền)	08	(1.495.288.116)	(830.593.457)
7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	09	2.679.450.000	4.259.780.000
8. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	10	(2.680.000.000)	(4.260.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>	<b>20</b>	<b>(68.263.684.805)</b>	<b>(138.903.333.980)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ mở	21	535.835.270.556	552.279.488.034
2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ mở	22	(446.601.674.901)	(308.127.961.225)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>	<b>89.233.595.655</b>	<b>244.151.526.809</b>
<b>III. Tăng/ (giảm) tiền thuần trong năm</b>	<b>40</b>	<b>20.969.910.850</b>	<b>105.248.192.829</b>
<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>50</b>	<b>149.077.639.127</b>	<b>43.829.446.298</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	51	149.077.639.127	43.829.446.298
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	52	149.077.639.127	43.829.446.298
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>55</b>	<b>170.047.549.977</b>	<b>149.077.639.127</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	56	170.047.549.977	149.077.639.127
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	57	170.047.549.977	149.077.639.127
<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>	<b>60</b>	<b>20.969.910.850</b>	<b>105.248.192.829</b>

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Bà Nguyễn Kim Khánh  
Kế toán

Bà Đoàn Kim Dung  
Kế toán Trưởng

Ông Phan Phương Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**

Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai  
Phường Cống Vị, Quận Ba Đình  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**MẪU SỐ B 06-QM**

Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ****1.1 Thông tin về Quỹ****Quỹ**

Quỹ Đầu tư giá trị MB Capital ("Quỹ") được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2014 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận chào bán số 16/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 05 tháng 3 năm 2014 và Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi bổ sung lần gần nhất ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015.

Công ty Quản lý Quỹ có trụ sở chính tại Tầng 8, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ****Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 54.423.600.000 VND, tương đương với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 326.663.834.800 VND, tương đương với 32.666.383,48 chứng chỉ Quỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 264.169.639.000 VND, tương đương với 26.416.963,90 chứng chỉ Quỹ). Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 473.742.830.110 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 377.650.571.595 VND).

### **Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước.

### **Kỳ tính giá trị tài sản ròng**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào thứ năm hàng tuần cho các kỳ định giá tuần và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng/quý/năm theo luật định.

### **Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào ngày thứ năm hàng tuần trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch bù này và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

### **Hạn chế đầu tư**

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phải sinh là giá trị cam kết của hợp đồng:
  - Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
  - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
  - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
  - Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - Chứng khoán phải sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;



- Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thôn tóm các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được phép cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ hoạt động đầu tiên bắt đầu từ thời điểm cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở ngày 25 tháng 4 năm 2014 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

## **3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán**

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính



Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **3.2 Tuân thủ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB xác nhận rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.3 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này không bao gồm lãi chưa thanh toán.
- Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý, các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ, Thông tư số 183 và Thông tư số 15 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

*Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Điều lệ Quỹ như sau:

- Tiền (VND): số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày trước ngày định giá.
- Tiền gửi có kỳ hạn: là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu:
  - Đối với công cụ trả lãi: Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
  - Đối với công cụ không trả lãi:

Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;

Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

- Trái phiếu:
  - Trái phiếu niêm yết:

Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);



Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

○ Trái phiếu không niêm yết:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

• Cổ phiếu:

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được ban đại diện quỹ thông qua.

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.



- Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:
  - Giá trị sổ sách; hoặc
  - Giá mua/Giá trị vốn góp; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Chứng khoán phái sinh
  - Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
  - Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- Các tài sản được phép đầu tư khác: Việc định giá phải được xem xét đối với từng tài sản cụ thể và theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

**4.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như khoản phải trả mua chứng khoán, phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí môi giới, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại ngày trước ngày định giá.

$$\text{NAV} = \text{Tổng giá trị tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của quỹ.}$$

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.

$$u\text{NAV} = \text{NAV}/N$$

Trong đó:

uNAV: Giá trị đơn vị Quỹ  
N: Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành.

**4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

#### **4.6 Các khoản phải trả**

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **4.7 Dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **4.8 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của nhà đầu tư**

Vốn góp của nhà đầu tư bao gồm vốn góp theo mệnh giá và thặng dư vốn. Trong đó, thặng dư vốn thể hiện số tiền chênh lệch giữa số tiền thực nhận/thực trả tính theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ và mệnh giá của chứng chỉ Quỹ.

Các chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

#### **4.9 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### **4.10 Chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích, Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

##### *Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý là 1,5%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,5\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}.$$



*Giá dịch vụ giám sát và phí lưu ký*

Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát và lưu ký được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá.

Giá dịch vụ lưu ký tối đa được tính theo công thức như sau:

- Nếu quy mô Quỹ trên 600 tỷ đồng

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% \* Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

- Nếu quy mô Quỹ dưới 600 tỷ đồng:

Giá dịch vụ lưu ký = 0,06% \* Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu : 17.000.000 VND/ một tháng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ giám sát tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ giám sát = 0,035% \* Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 16.000.000 VND/ một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như phí Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký, giá giao dịch chứng khoán, giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá giao dịch:	135.000 VND/ giao dịch
Giá sửa lệnh:	315.000 VND/ giao dịch
Giá rút hay gửi sổ chứng khoán:	300.000 VND/ giao dịch

*Giá dịch vụ quản trị Quỹ*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,045% \* Giá trị Tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu: 17.000.000 VND/ một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Mức giá dịch vụ tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá dịch vụ phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá dịch vụ tối thiểu đã thống nhất. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ tăng tần suất giao dịch theo quy định tại điểm a mục 1 Điều 15 Điều lệ Quỹ dẫn tới mức giá cho các dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng tăng lên nhưng vẫn đảm bảo theo khung quy định (nếu có) của luật hiện hành, công ty quản lý quỹ sẽ thông báo công khai, cập nhật phần thay đổi này vào Bản cáo bạch và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ quỹ tại Đại hội thường niên gần nhất.



*Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là 10.000.000 VND/ một tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng; giá dịch vụ giao dịch đối với giao dịch từ số 401 trở đi trong ngày giao dịch bằng 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

**4.11 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

*a. Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

*b. Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành. Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

**4.12 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.13 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198 không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06-QM

5. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán /Đáo hạn VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán cho năm nay VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán cho năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	432.809.497.900	399.449.031.419	33.360.466.481	25.697.666.639
Trái phiếu niêm yết	69.924.000.000	70.543.703.940	(619.703.940)	-
Chứng chỉ tiền gửi	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>532.733.497.900</b>	<b>499.992.735.359</b>	<b>32.740.762.541</b>	<b>25.697.666.639</b>

6. CHÊNH LỆCH TĂNG/(GIẢM) ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo số sách kế toán VND	Giá trị hợp lý không bao gồm lãi chưa thanh toán VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết và Upcom	342.953.247.043	303.655.645.500	(39.297.601.543)	7.480.924.738	(46.778.526.281)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	(181.991.820)	181.991.820
<b>Tổng cộng</b>	<b>342.953.247.043</b>	<b>303.655.645.500</b>	<b>(39.297.601.543)</b>	<b>7.298.932.918</b>	<b>(46.596.534.461)</b>

**7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí giao dịch mua trái phiếu niêm yết	8.350.300	6.053.240
Chi phí giao dịch mua cổ phiếu niêm yết	837.042.842	470.544.794
Chi phí giao dịch bán cổ phiếu niêm yết	649.213.877	344.005.462
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.494.607.019</b>	<b>820.603.496</b>

**8. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	122.806.452	156.000.000
Chi hoạt động Ban Đại diện Quỹ	23.845.000	11.534.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>146.651.452</b>	<b>167.534.000</b>

**9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí ngân hàng	34.059.044	34.576.282
Phí quản lý thường niên	10.000.000	10.000.000
Phí khác	473.000	473.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.532.044</b>	<b>45.049.282</b>

**10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi không hạn kỳ bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	3.547.549.977	7.077.639.127
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	3.547.549.977	7.077.639.127
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 3 tháng trở xuống bằng VND (*)	166.500.000.000	142.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>170.047.549.977</b>	<b>149.077.639.127</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng với lãi suất từ 5,4%/năm đến 5,5%/năm.



QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 06-QM

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Giá mua	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tăng	Chênh lệch đánh giá lại giảm	Chênh lệch đánh giá lại
VND	VND	VND	VND	VND
342.953.247.043	303.655.645.500	4.777.862.819	44.075.464.362	(39.297.601.543)
<b>342.953.247.043</b>	<b>303.655.645.500</b>	<b>4.777.862.819</b>	<b>44.075.464.362</b>	<b>(39.297.601.543)</b>
Cổ phiếu niêm yết và Upcom				
<b>Tổng</b>				

Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Giá mua	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tăng	Chênh lệch đánh giá lại giảm	Chênh lệch đánh giá lại
VND	VND	VND	VND	VND
162.086.314.462	169.567.239.200	11.840.492.643	4.359.567.905	7.480.924.738
30.106.141.440	29.924.149.620	-	181.991.820	(181.991.820)
30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-
<b>222.192.455.902</b>	<b>229.491.388.820</b>	<b>11.840.492.643</b>	<b>4.541.559.725</b>	<b>7.298.932.918</b>
Cổ phiếu niêm yết và Upcom				
Trái phiếu niêm yết				
Chứng chỉ tiền gửi				
<b>Tổng</b>				

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu bán cổ phiếu	744.416.697	-
Dự thu lãi tiền gửi	344.328.765	355.804.872
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi	-	296.875.000
Dự thu lãi trái phiếu	-	471.303.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.088.745.462</b>	<b>1.123.982.872</b>

**13. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền phải trả mua cổ phiếu niêm yết đã khớp lệnh thành công	294.441.000	1.495.840.400
<b>Tổng cộng</b>	<b>294.441.000</b>	<b>1.495.840.400</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả phí kiểm toán	44.000.000	55.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.000.000</b>	<b>55.000.000</b>

**15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả phí quản lý	644.337.337	438.104.638
Phải trả phí lưu ký	25.773.494	17.524.186
Phải trả phí giám sát	17.810.866	16.500.000
Phải trả phí quản trị	21.263.132	16.500.000
Phải trả phí giao dịch	1.485.000	2.970.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>710.669.829</b>	<b>491.598.824</b>

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06-QM

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Vốn góp phát hành						Vốn góp mua lại						Giá trị tài sản ròng bình quân	Giá trị hiện hành /1 chứng chỉ quỹ	VND	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Thặng dư vốn	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ Quỹ	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá	Thặng dư vốn	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ Quỹ	Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	Giá trị vốn góp hiện hành	VND					
												Chứng chỉ				VND
Tại ngày 25 tháng 04 năm 2014	5.442.360,00	10.000	54.423.600.000	-	-	54.423.600.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phát sinh trong năm 2014	2.181.212,80	11.032	21.812.128.000	2.250.812.000	(1.118.900,00)	24.062.940.000	(1.118.900,00)	11.078	(11.189.000.000)	(1.206.297.100)	(12.395.297.100)					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.623.572,80	10.295	76.235.728.000	2.250.812.000	(1.118.900,00)	78.486.540.000	(1.118.900,00)	11.078	(11.189.000.000)	(1.206.297.100)	(12.395.297.100)	6.504.672,80	66.091.242.900	11.234		
Phát sinh trong năm 2015	6.228.582,19	10.607	62.285.821.900	3.779.969.467	(7.693.742,82)	66.065.791.367	(7.693.742,82)	10.839	(76.937.428.200)	(6.453.364.961)	(83.390.793.161)					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	13.852.154,99	10.435	138.521.549.900	6.030.781.467	(8.812.642,82)	144.552.331.367	(8.812.642,82)	10.869	(88.126.428.200)	(7.659.662.061)	(95.786.090.261)	5.039.512,17	48.766.241.106	10.951		
Phát sinh trong năm 2016	8.614.094,14	11.551	86.140.941.400	13.359.008.600	(5.966.420,71)	99.499.950.000	(5.966.420,71)	11.799	(59.664.207.100)	(10.734.067.812)	(70.398.274.912)					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	22.466.249,13	10.863	224.662.491.300	19.389.790.067	(14.779.063,53)	244.052.281.367	(14.779.063,53)	11.245	(147.790.635.300)	(18.393.729.873)	(166.184.365.173)	7.687.185,60	77.867.916.194	12.387		
Phát sinh trong năm 2017	41.742.402,19	13.231	417.424.021.900	134.855.466.134	(23.012.623,89)	552.279.488.034	(23.012.623,89)	13.389	(230.126.238.900)	(78.000.154.315)	(308.126.393.215)					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	64.208.651,32	12.402	642.086.513.200	154.245.256.201	(37.791.687,42)	796.331.769.401	(37.791.687,42)	12.551	(377.916.874.200)	(96.393.884.188)	(474.310.758.388)	26.416.963,90	322.021.011.013	14.296		
Phát sinh trong năm 2018	37.054.371,39	14.461	370.543.713.900	165.291.556.656	(30.804.951,81)	535.835.270.556	(30.804.951,81)	14.498	(308.049.518.100)	(138.552.156.801)	(446.601.674.901)					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	101.263.022,71	13.156	1.012.630.227.100	319.536.812.857	(68.596.639,23)	1.332.167.039.957	(68.596.639,23)	13.425	(685.966.392.300)	(234.946.040.989)	(920.912.433.289)	32.666.383,48	411.254.606.668	14.502		

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 54.423.600.000 VND, tương ứng với 5.442.360,00 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên một chứng chỉ Quỹ.



17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>18.144.443.566</b>	<b>(792.372.073)</b>	<b>17.352.071.493</b>
Phát sinh trong năm	30.186.184.098	8.091.304.991	38.277.489.089
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>48.330.627.664</b>	<b>7.298.932.918</b>	<b>55.629.560.582</b>
Phát sinh trong năm	53.455.197.321	(46.596.534.461)	6.858.662.860
Lợi nhuận đã phân phối cho nhà đầu tư	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>101.785.824.985</b>	<b>(39.297.601.543)</b>	<b>62.488.223.442</b>

QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 06-QM

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Năm nay										Năm trước			
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng / 1 chứng chỉ Quỹ		Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng / 1 Chứng chỉ Quỹ	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng / 1 chứng chỉ Quỹ		Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng / 1 Chứng chỉ Quỹ	
				VND	VND					VND	VND		
1	01/01/2018	377.650.571.595	26.416.963,90	14.296			01/01/2017	95.219.987.687	7.687.185,60	12.387			
2	04/01/2018	377.589.998.599	26.416.963,90	14.293	(3)		05/01/2017	93.587.781.231	7.687.185,60	12.175	(212)		
3	11/01/2018	382.497.765.759	26.416.963,90	14.479	186		12/01/2017	93.417.879.500	7.687.185,60	12.152	(23)		
4	18/01/2018	428.322.335.766	29.467.607,40	14.535	56		19/01/2017	86.431.115.448	7.088.772,28	12.193	41		
5	25/01/2018	428.578.611.957	29.467.607,40	14.544	9		26/01/2017	86.512.220.446	7.088.772,28	12.204	11		
6	01/02/2018	450.588.050.498	30.979.631,46	14.545	1		01/02/2017	86.506.969.274	7.088.772,28	12.203	(1)		
7	08/02/2018	442.311.263.246	30.979.631,46	14.277	(268)		02/02/2017	86.505.871.168	7.088.772,28	12.203	-		
8	15/02/2018	542.251.321.978	37.754.298,09	14.363	86		09/02/2017	90.934.887.480	7.400.948,71	12.287	84		
9	22/02/2018	544.364.432.014	37.754.298,09	14.419	56		16/02/2017	91.553.125.836	7.399.990,20	12.372	85		
10	01/03/2018	562.579.796.616	39.084.361,83	14.394	(25)		23/02/2017	93.291.439.793	7.399.990,20	12.607	235		
11	08/03/2018	563.296.859.489	39.084.361,83	14.412	18		01/03/2017	95.026.336.494	7.529.928,35	12.620	13		
12	15/03/2018	618.006.845.854	42.401.131,56	14.575	163		02/03/2017	94.980.344.035	7.529.928,35	12.614	(6)		
13	22/03/2018	621.299.062.931	42.401.131,56	14.653	78		09/03/2017	95.384.919.003	7.529.928,35	12.667	53		
14	29/03/2018	676.955.177.784	46.519.627,41	14.552	(101)		16/03/2017	137.780.583.176	10.848.258,03	12.701	34		
15	01/04/2018	682.159.189.189	46.519.627,41	14.664	112		23/03/2017	137.785.286.781	10.848.258,03	12.701	-		
16	05/04/2018	682.754.448.802	46.519.627,41	14.677	13		30/03/2017	295.430.170.041	23.183.630,89	12.743	42		
17	12/04/2018	679.853.438.497	46.519.627,41	14.614	(63)		01/04/2017	295.910.147.235	23.183.630,89	12.764	21		
18	19/04/2018	724.613.278.442	49.098.339,86	14.758	144		06/04/2017	295.026.161.981	23.183.630,89	12.726	(38)		
19	26/04/2018	704.510.729.555	49.098.339,86	14.349	(409)		13/04/2017	296.397.403.658	23.183.630,89	12.785	59		
20	01/05/2018	719.646.572.924	50.300.373,70	14.307	(42)		20/04/2017	321.559.551.005	25.310.414,09	12.705	(80)		
21	03/05/2018	718.951.701.335	50.300.373,70	14.293	(14)		27/04/2017	320.341.995.900	25.310.414,09	12.657	(48)		
22	10/05/2018	719.122.692.158	50.300.373,70	14.297	4		01/05/2017	333.102.930.570	26.223.389,84	12.703	46		
23	17/05/2018	738.566.298.258	51.171.642,74	14.433	136		04/05/2017	332.833.382.966	26.223.389,84	12.692	(11)		
24	24/05/2018	731.775.737.555	51.171.642,74	14.300	(133)		11/05/2017	334.785.942.629	26.223.389,84	12.767	75		
25	31/05/2018	704.197.507.178	50.604.848,17	13.916	(384)		18/05/2017	356.435.258.968	27.596.300,38	12.916	149		
26	01/06/2018	716.489.371.554	50.604.848,17	14.159	243		25/05/2017	355.893.433.089	27.596.300,38	12.896	(20)		
27	07/06/2018	732.699.093.033	50.604.848,17	14.479	320		01/06/2017	337.241.411.703	26.017.803,72	12.962	66		
28	14/06/2018	729.409.648.134	50.604.848,17	14.414	(65)		08/06/2017	340.439.918.217	26.017.803,72	13.085	123		
29	21/06/2018	697.396.953.133	49.167.619,66	14.184	(230)		15/06/2017	339.649.651.878	25.821.988,82	13.154	69		
30	28/06/2018	696.955.788.323	49.167.619,66	14.175	(9)		22/06/2017	342.287.165.346	25.821.988,82	13.256	102		
31	01/07/2018	684.223.528.603	47.775.812,61	14.322	147		29/06/2017	329.053.038.666	24.867.806,46	13.232	(24)		



**QUỸ ĐẦU TƯ GIÁ TRỊ MB CAPITAL**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 06-QM**

Năm nay										Năm trước			
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng / 1 chứng chỉ Quỹ		Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng / 1 chứng chỉ Quỹ		Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng / 1 Chứng chỉ Quỹ	VND	Giá trị tài sản ròng / 1 chứng chỉ Quỹ	Tăng/ (giảm) giá trị tài sản ròng / 1 Chứng chỉ Quỹ	VND		
		Giá trị tài sản ròng VND	Giá trị tài sản ròng VND		Giá trị tài sản ròng VND	Giá trị tài sản ròng VND							
32	05/07/2018	652.692.843.320	47.775.812,61	13.662	(660)	01/07/2017	329.752.704.884	24.867.806,46	13.260		28		
32	12/07/2018	638.729.565.874	47.775.812,61	13.369	(293)	06/07/2017	330.861.279.438	24.867.806,46	13.305		45		
33	19/07/2018	659.466.721.685	47.253.374,50	13.956	587	13/07/2017	330.905.751.744	24.867.806,46	13.307		2		
33	26/07/2018	656.218.627.193	47.253.374,50	13.887	(69)	20/07/2017	321.736.037.803	24.443.071,87	13.163		(144)		
34	01/08/2018	665.361.197.739	46.942.821,58	14.174	287	27/07/2017	323.357.555.813	24.443.071,87	13.229		66		
34	02/08/2018	661.599.387.729	46.942.821,58	14.094	(80)	01/08/2017	316.332.484.458	23.774.122,59	13.306		77		
35	09/08/2018	657.942.942.531	46.757.433,17	14.071	(23)	03/08/2017	316.800.714.742	23.774.122,59	13.325		19		
35	16/08/2018	654.969.206.461	46.238.511,10	14.165	94	10/08/2017	315.717.375.329	23.774.122,59	13.280		(45)		
36	23/08/2018	653.357.802.367	45.847.772,29	14.251	86	17/08/2017	315.979.966.394	23.744.361,95	13.308		28		
36	30/08/2018	663.701.634.897	45.733.836,23	14.512	261	24/08/2017	315.521.950.801	23.744.361,95	13.288		(20)		
37	01/09/2018	661.115.084.349	45.183.890,33	14.632	120	31/08/2017	308.147.953.609	22.818.687,29	13.504		216		
37	06/09/2018	644.814.325.925	45.183.890,33	14.271	(361)	01/09/2017	309.330.423.537	22.818.687,29	13.556		52		
38	13/09/2018	637.062.565.149	44.083.363,35	14.451	180	07/09/2017	308.452.710.820	22.818.687,29	13.518		(38)		
38	20/09/2018	641.197.782.273	43.915.108,02	14.601	150	14/09/2017	308.241.206.512	22.818.687,29	13.508		(10)		
39	27/09/2018	651.511.624.372	43.611.443,94	14.939	338	21/09/2017	263.960.736.511	19.610.123,19	13.460		(48)		
39	01/10/2018	650.124.152.155	43.033.087,05	15.108	169	28/09/2017	265.271.851.627	19.610.123,19	13.527		67		
40	04/10/2018	645.932.332.453	43.033.087,05	15.010	(98)	01/10/2017	213.679.632.888	15.729.073,70	13.585		58		
40	11/10/2018	633.173.053.275	42.337.558,58	14.955	(55)	05/10/2017	212.752.411.579	15.729.073,70	13.526		(59)		
41	18/10/2018	613.327.557.952	41.682.844,81	14.714	(241)	12/10/2017	215.118.498.828	15.729.073,70	13.676		150		
41	25/10/2018	583.488.021.628	41.195.740,03	14.164	(550)	19/10/2017	218.041.784.474	15.884.863,16	13.726		50		
42	01/11/2018	583.395.178.063	41.127.296,84	14.185	21	26/10/2017	218.725.291.857	15.884.863,16	13.769		43		
42	08/11/2018	577.956.009.262	40.833.537,19	14.154	(31)	01/11/2017	217.372.661.448	15.822.529,83	13.738		(31)		
43	15/11/2018	567.127.885.914	40.591.855,07	13.971	(183)	02/11/2017	216.621.607.703	15.822.529,83	13.691		(47)		
43	22/11/2018	574.883.012.722	40.392.587,36	14.232	261	09/11/2017	218.313.343.380	15.822.529,83	13.798		107		
44	29/11/2018	572.565.829.205	39.706.143,83	14.420	188	16/11/2017	216.271.960.947	15.608.570,71	13.856		58		
44	01/12/2018	564.435.522.949	39.061.588,83	14.450	30	23/11/2017	217.793.687.037	15.608.570,71	13.953		97		
45	06/12/2018	578.100.395.720	39.061.588,83	14.800	350	30/11/2017	338.138.070.980	24.050.457,58	14.060		107		
45	13/12/2018	535.973.301.581	36.136.003,35	14.832	32	01/12/2017	338.011.145.002	24.050.457,58	14.054		(6)		
46	20/12/2018	480.056.404.662	33.287.024,36	14.422	(410)	07/12/2017	340.056.266.384	24.050.457,58	14.139		85		
46	27/12/2018	471.851.790.571	33.045.461,75	14.279	(143)	14/12/2017	336.588.470.164	24.050.457,58	13.995		(144)		
47	01/01/2019	473.742.830.110	32.666.383,48	14.502	223	21/12/2017	338.317.520.043	24.038.403,56	14.074		79		
						28/12/2017	340.306.298.017	24.038.403,56	14.157		83		
						01/01/2018	377.650.571.595	26.416.963,90	14.296		139		

Giá trị tài sản ròng bình quân 616.522.001.463  
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm  
Mức cao nhất (660)  
Mức thấp nhất 1

235





**19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng	32.666.383,48	26.416.963,90
	<b>32.666.383,48</b>	<b>26.416.963,90</b>

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty quản lý quỹ
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng giám sát
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ của Công ty quản lý Quỹ
Công ty Cổ phần chứng khoán MB	Liên quan của Công ty quản lý Quỹ/ Đại lý phân phối
Ban Đại diện Quỹ	Có ảnh hưởng đáng kể

**Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB</b>		
Phí quản lý	9.188.309.166	3.859.969.408
<b>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b>		
Phí ngân hàng lưu ký	355.728.961	200.124.741
Phí lưu ký thu hộ Trung tâm lưu ký chứng khoán	76.279.722	27.468.867
Phí giám sát	241.011.551	198.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	303.368.081	198.000.000
Phí dịch vụ ngân hàng khác	31.980.462	35.049.282
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội</b>		
Thu nhập lãi tiền gửi	137.621.916	617.413.700
<b>Công ty Cổ phần chứng khoán MB</b>		
Phí môi giới chứng khoán	149.248.207	111.933.919
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>		
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (*)	122.806.452	156.000.000

(\*) Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 122.806.452 VND. Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên nào của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

**Sô dư chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB</b>		
Phí quản lý	644.337.337	438.104.638
<b>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b>		
Tiền gửi thanh toán	3.547.549.977	7.077.639.127
Phí lưu ký phải trả	25.773.494	17.524.186
Phí giám sát phải trả	17.810.866	16.500.000
Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	21.263.132	16.500.000
Phí giao dịch chứng khoán phải trả	1.485.000	2.970.000

## **21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết và chứng khoán không niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

### ***Độ nhạy đối với lãi suất***

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

*Rủi ro tiền tệ*

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

*Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 303.655.645.500 VND. Nếu giá của các khoản đầu tư này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (30.365.564.550) VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các khoản đầu tư này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 30.365.564.550 VND.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện Quỹ cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<b>Dưới 03 tháng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	294.441.000	294.441.000
Chi phí phải trả	44.000.000	44.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	710.669.829	710.669.829
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.049.110.829</b>	<b>1.049.110.829</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>		
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.495.840.400	1.495.840.400
Chi phí phải trả	55.000.000	55.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	491.598.824	491.598.824
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.042.439.224</b>	<b>2.042.439.224</b>



Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

**22. TRÌNH BÀY BỔ SUNG CÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198 và Thông tư số 183 và Thông tư số 15.

**Tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

• ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:***

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

• ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

• ***Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:***

- (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.

- **Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:**

- (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phí phân bổ**, bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Bảng dưới đây trình bày giá gốc và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Quỹ:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	170.047.549.977	170.047.549.977	149.077.639.127	149.077.639.127
Các khoản đầu tư	342.953.247.043	303.655.645.500	222.192.455.902	229.491.388.820
- Cổ phiếu niêm yết	342.953.247.043	303.655.645.500	162.086.314.462	169.567.239.200
- Trái phiếu niêm yết	-	-	30.106.141.440	29.924.149.620
- Chứng chỉ tiền gửi	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Các tài sản khác	1.088.745.462	1.088.745.462	1.123.982.872	1.123.982.872
- Phải thu bán chứng khoán	744.416.697	744.416.697	-	-
- Lãi trái phiếu được nhận	-	-	471.303.000	471.303.000
- Lãi tiền gửi và chứng chỉ quỹ được nhận	344.328.765	344.328.765	652.679.872	652.679.872
<b>Tổng cộng</b>	<b>514.089.542.482</b>	<b>474.791.940.939</b>	<b>372.394.077.901</b>	<b>379.693.010.819</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	294.441.000	294.441.000	1.495.840.400	1.495.840.400
Chi phí phải trả	44.000.000	44.000.000	55.000.000	55.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	710.669.829	710.669.829	491.598.824	491.598.824
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.049.110.829</b>	<b>1.049.110.829</b>	<b>2.042.439.224</b>	<b>2.042.439.224</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng (nếu có) của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được xác định theo nguyên tắc và phương pháp định giá lại được trình bày tại Thuyết minh số 4.3 – Các khoản đầu tư.



23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về tình hình hoạt động đầu tư</b>		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,49%	1,51%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,11%	0,17%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,07%	0,12%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,01%	0,02%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	0,02%	0,06%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (%)	1,95%	2,21%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm(%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	90,89%	112,63%
<b>II</b>	<b>Các chỉ số thị trường</b>		
1	Quy mô quỹ đầu năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	264.169.639.000	76.871.856.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	26.416.963,90	7.687.185,60
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm		
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm	37.054.371,39	41.742.402,19
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá)	370.543.713.900	417.424.021.900
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm	(30.804.951,81)	(23.012.623,89)
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(308.049.518.100)	(230.126.238.900)
3	Quy mô quỹ cuối năm		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	326.663.834.800	264.169.639.000
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	32.666.383,48	26.416.963,90
4	Tỷ lệ năm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	2,18%	2,11%
5	Tỷ lệ năm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối năm	24,85%	26,59%
6	Tỷ lệ năm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối năm	0,06%	0,01%
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	649	536
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối năm	14.502	14.296

**24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của năm trước được Quỹ phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Mục	Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Số sau phân loại lại VND	Chênh lệch VND
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ Quỹ mở	21	557.858.068.721	552.279.488.034	5.578.580.687
	Tiền chi mua lại chứng chỉ Quỹ mở	22	(307.793.737.719)	(308.127.961.225)	334.223.506
	Tiền chi thanh toán phí phát hành, phí mua lại, thuế liên quan đến giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ		(5.912.804.193)	-	(5.912.804.193)

**Người lập**



**Bà Nguyễn Kim Khánh**  
**Kế toán**

**Người phê duyệt**



**Bà Đoàn Kim Dung**  
**Kế toán Trưởng**

**Người phê duyệt**



**Ông Phan Phương Anh**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 18 tháng 02 năm 2019*